TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST Ngày 30/6/2023 V/v tranh chấp về xác định cha cho con chưa thành niên, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Kiều Trung

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Tấn Ba

2. Ông Bùi Tấn Sinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022, về việc: "Tranh chấp về xác định cha cho con chưa thành niên, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/12/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 11/01/2023, Thông báo mở lại phiên tòa sơ thẩm số 117/TB-TA, ngày 04/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 20/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 10/6/2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1972; cư trú tại: Số 304/12/24 đường B, phường 12, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt;

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã BC, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại các buổi làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày như sau:

Khoảng năm 2016, tôi với bà Nguyễn Thị V quen biết và có quan hệ tình cảm với nhau, kết quả là bà V có thai. Đến ngày 18/03/2017, bà V sinh được một bé gái đặt tên là Nguyễn Ngọc Cát T. Khi bà V sinh con, tôi đã đến Bệnh viện P - N Đà Nẵng để trực tiếp chăm sóc cho hai mẹ con, lo mọi chi phí sinh nở. Sau khi bà V sinh con, để có thời gian chăm sóc con nên chúng tôi có sống chung với nhau. Đến cuối năm 2018, bà V đã lừa dối tôi, viện lý do tôi đi làm ăn xa, tìm mọi cách để chấm dứt quan hệ tình cảm; có những lời nói, hành vi xúc phạm, lăng mạ tôi nhằm mục đích chấm dứt liên lạc với tôi, không cho tôi gặp con gái và dẫn cháu T đi trốn. Đến tháng 8/2020, khi bà V bị bắt đi chấp hành án phạt tù, tôi được người quen cho biết cháu T đang được bà ngoại chăm sóc.

Đến năm 2021, sau khi chấp hành án xong, bà V không có việc làm ổn định, còn phải thi hành rất nhiều bản án dân sự có hiệu lực pháp luật. Vì không có điều kiện nuôi con nên bà V đã gửi con cho Trường mầm non P H; địa chỉ: Xã BC, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi (do bà Đinh Thị Diễm P làm Hiệu trưởng) chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi biết tin về hoàn cảnh của con mình, tôi đã liên lạc với Trường mầm non để trả tiền học phí và tiền ăn trong thời gian cho cháu.

Để xác định quan hệ huyết thống, tôi đã yêu cầu Công ty Cổ phần dịch vụ G để phân tích ADN. Đến ngày 23/10/2022, Công ty có phiếu kết quả phân tích ADN kết luận: Giữa tôi và cháu T "có quan hệ huyết thống cha - con". Chính vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho cháu, quyền làm cha của mình và thuận tiện trong việc thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan đến quyền lợi của cháu sau này, nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Xác định tôi: Nguyễn Xuân D là cha đẻ của cháu T, sinh ngày 18/3/2017 theo Giấy khai sinh số 425/GKS-BS do UBND xã BC, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 06/12/2018 và theo Kết quả xét nghiệm ADN số KQ 2205044 ngày 23/10/2022 của Công ty Cổ phần dịch vụ phân tích di truyền đã thực hiện;

- Yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với cháu T; buộc bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ giao lại cháu T cho tôi nuôi dưỡng, giáo dục; tôi không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện công việc, thu nhập, chỗ ở: Bản thân tôi có công việc, thu nhập ổn định (bình quân 200.000.000 đồng/tháng), có nhà ở riêng, đủ điều

kiện để nuôi dưỡng con và tôi đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ này cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết gì thêm.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/12/2022 và tại phiên tòa ngày 11/01/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày như sau:

Tôi xác nhận vào năm 2016, tôi có quen biết và có quan hệ tình cảm và sống chung với ông D một thời gian. Sau một thời gian quen biết và chung sống thì tôi có thai và sinh được một bé gái, đặt tên là Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 18/3/2017; khi sinh con tại Bệnh viện P - N Đà Nẵng, ông D là người trực tiếp chăm sóc tôi và con, chi trả viện phí. Sau khi xuất viện về, ông D có tiếp tục chăm sóc tôi và con, trong thời gian qua có đến thăm con và đóng góp tiền để nuôi con. Tôi xác định ông D là cha đẻ của cháu T, tuy nhiên giữa tôi và ông D không có đăng ký kết hôn nên giấy khai sinh của cháu T để trống phần họ tên người cha.

Đối với việc ông D yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu T, yêu cầu tôi giao lại con cho ông chăm sóc, nuôi dưỡng thì tôi không đồng ý; vì từ trước đến nay, tôi là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Trong thời gian tôi đi chấp hành án, tôi đã nhờ gia đình liên hệ, đề nghị ông D đón con về nuôi dưỡng nhưng ông không quan tâm và cũng không có trách nhiệm. Hiện nay, cháu T đã sinh sống ổn định với tôi, được đi học và phát triển bình thường, bản thân tôi có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nên tôi không đồng ý giao lại con cho ông D nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con thì tôi không yêu cầu.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn xác định quan hệ tranh chấp về xác định cha cho con là đúng quy định tại khoản 4 và khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với với việc bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 39 của Bộ luật dân sự; Điều 88,

101, 102 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông D, xác định ông D là cha đẻ của cháu T, sinh ngày 18/3/2017; buộc bà V có nghĩa vụ giao lại cháu T cho ông D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà V đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, đã tham gia các buổi làm việc, tham gia phiên tòa vào ngày 11/01/2023; đã được tống đạt Thông báo mở lại phiên tòa, các quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà V vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà V.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa ông D và bà V có quan hệ tình cảm, có sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn; ông D khởi kiện yêu cầu Toà án xác định cháu T, sinh ngày 18/3/2017, do bà V sinh ra tại Bệnh viện P - N Đà Nẵng là con đẻ của ông; yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Căn cứ vào khoản 4 và khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp được xác định là: "Tranh chấp về xác định cha cho con, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu xác định cha cho con chưa thành niên: Ông D yêu cầu Toà án xác định ông là cha đẻ của cháu T, sinh ngày 18/3/2017, theo giấy khai sinh số 425/GKS-BS ngày 06/12/2018 do Ủy ban nhân dân xã BC cấp. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà V là mẹ đẻ của cháu T thừa nhận giữa bà và ông D có quan hệ tình cảm với nhau và xác định ông D là cha đẻ của cháu T; tuy nhiên giữa bà và ông D không có đăng ký kết hôn nên Giấy khai sinh của cháu T để trống phần họ tên người cha.

Theo kết luận giám định ADN ngày 23/10/2022 của Công ty Cổ phần G kết luận: Ông D, sinh ngày 27/5/2072, căn cước công dân số 079072026895 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 05/8/2022 có quan hệ huyết thống cha - con với cháu T, sinh ngày 18/3/2017.

Tại công văn số 117/2022/CV-GEN, ngày 20/12/2022 của Công ty G đã xác định: Kết luận giám định ADN ngày 23/10/2022 của Công ty Cổ phần G kết luận: Ông D, sinh ngày 27/5/1972 có quan hệ huyết thống cha - con với cháu T, sinh ngày 18/3/2017 là đúng.

Như vậy, lời thừa nhận của bà V là phù hợp với trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như do Tòa án thu thập, thuộc những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, việc ông D yêu cầu xác định ông là cha đẻ của cháu T, sinh ngày 18/3/2017 theo giấy khai sinh số 425/GKS-BS ngày 06/12/2018 do Ủy ban nhân dân xã BC cấp là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với tranh chấp về nuôi con: Như đã nhân định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định ông D là cha đẻ của cháu T nên ông D được quyền yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con theo quy định tại tại Điều 68, 69, 71 và khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2.1] Xét điều kiện chăm sóc, nuôi con của bà V: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thẩm tra, xác minh thì thấy rằng trong thời gian qua, bà không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T mà giao cho Trường mầm non P tại xã B Ch, huyện B S, tỉnh Quảng Ngãi và mẹ đẻ của bà V chăm sóc, nuôi dưỡng. Qua làm việc với đại diện của Trường mầm non P thì xác định bà V không đến thăm con, không đóng tiền học phí và chi phí ăn uống, sinh hoạt của cháu trong thời gian gửi tại trường; những khoản chi phí này do ông D trực tiếp thanh toán; những lúc cháu T bị bệnh, Trường mầm non đã liên hệ với bà V đề nghị đón cháu về chăm sóc nhưng bà V không đến. Từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, bà V nhiều thay đổi chỗ ở, không có việc làm, không có thu nhập và không có chỗ ở ổn định; kết quả xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BS thể hiện bà V còn phải thi hành nhiều bản án dân sự về nghĩa vụ tài sản với người khác nhưng chưa thi hành. Trong khi đó, cháu T còn nhỏ, cần phải có sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ để cháu được phát triển bình thường, ổn định về đời sống, tinh thần cũng như đảm bảo việc học tập.

[2.2.2] Đối với ông D, ông cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ về công việc, thu nhập, chỗ ở chứng minh đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi con. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như kết quả làm việc, xác minh thực tế thì Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian qua, bà V nuôi con không đảm bảo.

[2.2.3] Như đã nhận định nêu trên, việc giao con cho cha hoặc mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặc của con chung chưa thành niên. Hội đồng xét xử thấy rằng ông D có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được quyền nuôi con của ông D; buộc bà V có nghĩa vụ giao lại cháu T cho ông D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

[3] Việc cấp dưỡng nuôi con: Ông D không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí: Ông D được miễn án phí đối với yêu cầu xác định cha cho con chưa thành niên và ông tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí tranh chấp về nuôi con nhưng được khấu từ số tiền ông đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001515, ngày 10/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 68, 69, 71, 72, 84, khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 91, 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 12 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân D.

2. Xác định ông D, sinh ngày 27/5/1972; cư trú tại: Số 304/12/24 đường B, phường 12, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; căn cước công dân số 079072026895 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 05/8/2022 là cha đẻ của cháu T, sinh ngày 18/3/2017 theo giấy khai sinh số 425/GKS-BS ngày 06/12/2018 do Ủy ban nhân dân xã BC cấp.

Ông D có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan đăng ký hộ tịch để bổ

sung thông tin hộ tịch còn thiếu về họ, chữ đệm, tên người cha cho cháu T theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

3. Buộc bà V có nghĩa vụ giao lại cháu T, sinh ngày 18/3/2017 cho ông D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở và phải có nghĩa vụ giao con chung như nêu trên để ông D thực hiện việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Án phí: Ông D được miễn án phí đối với yêu cầu xác định cha cho con chưa thành niên và ông tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí tranh chấp về nuôi con nhưng được khấu từ số tiền ông đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001515, ngày 10/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình C, huyện B S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Kiều Trung

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Bùi Tấn Ba	**Bùi Tấn Sinh**	**Đoàn Kiều Trung**

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Bùi Tấn Ba	**Bùi Tấn Sinh**	**Đoàn Kiều Trung**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Châu, huyện Bình Sơn *(Đăng ký kết hôn số 166/2015, ngày 28/12/2015)*;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Kiều Trung